

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1313/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-12-2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Châu Thị Thanh Thà.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Bà Nguyễn Phước Trinh;  
2. Bà Phạm Thị Ngọc.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Không có.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 611/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 349/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1991 (có mặt);

Hộ khẩu thường trú: Số 01 đường số 14, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

***2. Bị đơn:*** Ông Bùi Minh T, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: Số 01 đường số 14, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 01/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Bà và ông Bùi Minh T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2011, đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 187, quyển số 02 ngày 16/8/2011. Sau một khoảng thời gian sống chung đến năm 2015 thì bà và ông T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hiểu nhau, khác biệt về cách sống và quan điểm sống, ông T không chăm lo cho gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Sau những mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, bà và ông T không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Minh T.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Bùi Minh T, sinh ngày 12/3/2012; Bùi Ngọc Lan V, sinh ngày 13/4/2017 và Bùi Ngọc An V, sinh ngày 07/01/2019.

Hiện nay, trẻ Bùi Minh T, sinh ngày 12/3/2012 (có giấy xác nhận khuyết tật số hiệu 27556.000227 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp), Bùi Ngọc Lan V, sinh ngày 13/4/2017 và Bùi Ngọc An V, sinh ngày 07/01/2019 đang sống chung với bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Minh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy khai sinh, trích lục khai sinh (bản sao), sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, căn cước công dân (bản sao) và giấy xác nhận khuyết tật (bản photo).

Ông Bùi Minh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Bùi Minh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn ông Bùi Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

#### **[2] Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Bùi Minh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 187, quyển số 02 ngày 16/8/2011 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh T xin ly hôn với ông Bùi Minh T là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà T thì mâu thuẫn giữa bà và ông T là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, cách sống, ông T không chăm lo cho gia đình và có quan

hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Bùi Minh T không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án chứng tỏ ông T không có thiện chí để đoàn tụ gia đình.

Ông Bùi Minh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông T không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Bùi Minh T, sinh ngày 12/3/2012; Bùi Ngọc Lan V, sinh ngày 13/4/2017 và Bùi Ngọc An V, sinh ngày 07/01/2019. Bà T yêu cầu được nuôi 03 con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Hiện nay, trẻ Bùi Minh T, sinh ngày 12/3/2012 (có giấy xác nhận khuyết tật số hiệu 27556.000227 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp), Bùi Ngọc Lan V và Bùi Ngọc An V đang sống chung với bà T nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cho bà T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do ông Bùi Minh T vắng mặt tại phiên tòa nên ông T có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với ông Bùi Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 187, quyển số 02 ngày 16/8/2011 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Minh T và ông Bùi Minh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Minh T, sinh ngày 12/3/2012; Bùi Ngọc Lan V, sinh ngày 13/4/2017 và Bùi Ngọc An V, sinh ngày 07/01/2019 cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có.

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Nếu ông Bùi Minh T có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị Minh T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0084067 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Tân Phú Trung;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**